

**NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ**  
**Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19**  
**TUẦN 2 (TỪ 13/9 ĐẾN 17/9)**

**1. MÔN: NGỮ VĂN 8**

**CHỦ ĐỀ 1:**

**TUẦN 2: TẠO LẬP VĂN BẢN**

**“TÔI ĐI HỌC” (THANH TỊNH) VÀ “TRONG LÒNG MẸ” (NGUYỄN HỒNG).**

**TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ VÀ BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN**

**BÀI 3:TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN**

**I. CHỦ ĐỀ VĂN BẢN**

1. Ví dụ: (SGK)

- Đối tượng: Tôi
- Vấn đề chính: Hồi tưởng ngày đầu tiên đi học.
  - Thể hiện những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về kỷ niệm thiêng liêng ấy.

2. Nhận xét:

- Chủ đề VB “Tôi đi học”: Những kỷ niệm sâu sắc (hoặc tâm trạng và cảm giác) về buổi tựu trường đầu tiên...

\* Ghi nhớ: Sgk

Chủ đề VB là đối tượng và vấn đề chính được tác giả nêu lên, đặt ra trong văn bản.

**II. TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN**

**1.Ví dụ:**

- “Hôm nay tôi đi học”, “ ... kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường...” vv...
- Trên đường đi học:
- Trên sân trường:

- Trong lớp học: Cảm thấy xa mẹ.

## 2. Nhận xét:

- Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi chỉ biểu đạt chủ đề.

\* Ghi nhớ: Sgk, tr 12

## III. LUYỆN TẬP

### Bài tập 1:

a) Văn bản “Rừng cọ quê tôi” viết về cây cọ ở vùng sông Thao, quê hương tác giả.

- Thứ tự trình bày: Miêu tả dáng hình cây cọ, sự gắn bó của cây cọ với tuổi thơ tác giả, tác dụng của cây cọ, tình cảm, gắn bó giữa cây cọ với người dân sông Thao.

b) Chủ đề VB: Vẻ đẹp và ý nghĩa của rừng cọ quê tôi.

c) Chủ đề được thể hiện ở nhan đề và các ý của VB.

d) Các từ ngữ được lặp lại nhiều lần: Rừng cọ, lá cọ, và các ý lớn trong phần thân bài:

+ Miêu tả hình dáng cây cọ.

+ Nêu sự gắn bó mật thiết giữa cây cọ với nv “tôi”

+ Các công dụng của cây cọ đối với cuộc sống.

## **Bài 4: BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN**

### I. BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

#### **1. Ví dụ**

Văn bản: “Người thầy đạo cao đức trọng”

- Ca ngợi người thầy đạo cao đức trọng

- Văn bản gồm có 3 phần :

+ **Mở bài:** Từ đầu ... *danh lợi*. Giới thiệu chủ đề: thầy Chu văn An là người tài cao đức trọng.

+ **Thân bài:** Tiếp theo... *vào thăm*. Kể các sự việc để làm rõ chủ đề đã giới thiệu ở trên.

+ **Kết bài:** *Còn lại*. Khẳng định tài đức của thầy Chu văn An.

- Cả 3 phần đều tập trung làm rõ chủ đề.

## 2. Nhận xét

- Bố cục là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề .
- Gồm có 3 phần:
  - + *MB*: Nêu chủ đề của văn bản
  - + *TB*: Trình bày các khía cạnh của chủ đề
  - + *KB*: Tổng kết chủ đề

\* Ghi nhớ: sgk/25

## II. CÁCH SẮP XẾP NỘI DUNG PHẦN THÂN BÀI

### 1. Ví dụ

#### *a, VB Tôi đi học*

- Cảm xúc trên đường tới trường, trên sân trường , trong lớp học.

#### *b, VB Trong lòng mẹ*

- Tình thương mẹ, thái độ căm ghét những hủ tục đã dày dọ mẹ
- Niềm vui sướng cực độ khi được ở trong lòng mẹ
- Theo mạch cảm xúc, theo sự phát triển của sự việc.

#### *c, VB miêu tả*

- Tả người, con vật : chính thể - bộ phận hoặc tình cảm, cảm xúc;
- Tả phong cảnh : không gian, thời gian

#### *d, VB Người thầy đạo cao đức trọng*

- Các sự việc nói về Chu văn An là người tài cao - Các sự việc nói về Chu văn An là người đạo đức, được học trò kính trọng .

## 2. Nhận xét

- Việc sắp xếp nội dung phần thân bài tùy thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề, ý đồ giao tiếp của người viết
  - Các ý trong phần thân bài thường được sắp xếp theo trình tự:
    - + Thời gian , không gian
    - + Theo sự phát triển của sự việc
    - + Theo mạch suy luận , cảm xúc của người viết
- \* Ghi nhớ 3 sgk.

## III. LUYỆN TẬP

### 1.a. Miêu tả sân chim. Thứ tự không gian

Từ toàn thể, tổng quát đến cụ thể: nhìn xa - đến gần - đến tận nơi - đi xa dần

b. Cảnh Ba Vì Thứ tự thời gian: về chiều , lúc hoàng hôn.

c. Hai luận cứ được sắp xếp theo tầm

quan trọng của nó đối với luận điểm cần chứng minh. Nêu luận điểm chính → nêu các luận cứ chứng minh.

2 . Trình bày 2 ý:

a. Những ý nghĩ, cảm xúc của chú bé khi trả lời người cô.

b. Cảm giác sung sướng cực điểm của chú bé khi được ở trong lòng mẹ.

3. *muốn chứng minh tính đúng sai của một vấn đề, trước hết cần thông hiểu về vấn đề đó -*

Đưa phần giải thích lên trước phần chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ

- Trong phần giải thích có 2 ý:

+ Giải thích nghĩa đen của câu tục ngữ.

+ Giải thích nghĩa bóng của câu tục ngữ

-----**HẾT**-----

## 2. MÔN: MỸ THUẬT

### BÀI 1 : SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT VIỆT NAM (GIAI ĐOẠN 1954-1975)

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### 1. Vài nét về bối cảnh lịch sử :

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

Nước ta bị chia làm hai miền. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Cùng với quân dân cả nước, các họa sĩ cũng tích cực tham gia vào mặt trận sản xuất và chiến đấu. Những tác phẩm của họ phản ánh sinh động khí thế xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

##### 2. Đặc điểm và các thành tựu nổi bật của mỹ thuật thời Lê :

*Sau ngày hoà bình ở miền Bắc, nền mỹ thuật Việt Nam phát triển cả về chiều sâu lẫn chiều rộng, hình thành đội ngũ đông đảo các họa sĩ sáng tác.*

Các họa sĩ đã nghiên cứu những chất liệu và cách diễn tả mới làm phong phú thêm cho nghệ thuật dân tộc.

- **Sơn mài** là chất liệu truyền thống được các họa sĩ không ngừng tìm tòi, sáng tạo. Những tác phẩm sơn mài thành công là : “Tát nước đồng chiêm” của

Trần Văn Cẩn, “Bình minh trên nông trang” của Nguyễn Đức Nùng, “Nhớ một chiều Tây Bắc” của Phan Kế An, “Trái tim và nòng súng” của Huỳnh Văn Gấm và các tranh sơn khắc như Thôn Vĩnh Mốc của Huỳnh Văn Thuận...

- **Tranh lụa** có những đổi mới về kỹ thuật cũng như nội dung đề tài. Các bức tranh : “Được mùa” của Nguyễn Tiến Chung, “Ghé thăm nhà” của Trọng Kiệm, “Bữa cơm mùa thắng lợi” của Nguyễn Phan Chánh, “Làng ven núi” của Nguyễn

Thụ,... là những tác phẩm được đánh giá cao.

- **Tranh khắc gỗ** kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, xuất hiện với diện mạo phong phú hơn về đề tài và cách thể hiện. Các bức tranh “Mùa xuân” của Nguyễn Thụ, “Mẹ con” của Đinh Trọng Khang, “Chùa Tây Phương” của Trần Nguyên Đán, “Ông cháu” của Huy Oánh, “Ba thế hệ” của Hoàng Trầm... có vị trí xứng đáng trong nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam.

- **Sơn dầu** là chất liệu của phương Tây du nhập vào nước ta nhưng được các họa sĩ Việt Nam sử dụng thành thạo, vì thế tranh sơn dầu có sắc thái riêng biệt và mang đậm tính dân tộc. Các bức tranh : “Một buổi cày” của Lưu Công Nhân, “Đồi cọ” của Lương Xuân Nhị, “Băng chuyen trên mỏ Đèo Nai” của Nguyễn Tiến Chung, “Công nhân cơ khí” của Nguyễn Đỗ Cung, “Tiếng đàn bầu” của Sĩ Tốt, “Phố Hàng Mắm” và các tranh vẽ phố Hà Nội của Bùi Xuân Phái, Thanh niên Thành đồng của Nguyễn Sáng... là những tác phẩm thành công về nghệ thuật và cách sử dụng chất liệu sơn dầu.

- **Màu bột** là chất liệu phù hợp với điều kiện Việt Nam, dễ bảo quản và có khả năng diễn tả phong phú. Các tranh : “Đền Voi phục” của Văn Giáo, “Mùa xuân trên bản” của Trần Lưu Hậu, “Ao làng” của Phan Thị Hà... đã chứng minh điều đó.

- **Điều khắc hiện đại Việt Nam** với nhiều chất liệu : gỗ, đá, thạch cao, xi măng, đồng... có nhiều tác phẩm thành công, phản ánh được hiện thực xã hội. Các bức tượng : Nắm đất miền Nam của Phạm Xuân Thi, Liệt sĩ Võ Thị Sáu của Diệp Minh Châu, Chiến thắng Điện Biên Phủ của Nguyễn Hải, Vân đại của La Công Thành, Vót chông của Phạm Mươi... là những tác phẩm được đánh giá cao về chất lượng nghệ thuật.

## **B. LUYỆN TẬP: (TỰ HỌC & BÀI TẬP)**

### **1. Học thuộc ý chính của bài dựa trên các câu hỏi gợi ý :**

- Trình bày vài nét khái quát về bối cảnh xã hội và sự phát triển của mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975.

- Nêu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của nền mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975.

### **2. Bài tập :**

Học sinh sử dụng công cụ tìm kiếm Google để tìm kiếm các họa tiết, hoa văn trang trí đẹp, tính ứng dụng cao, lưu lại vào máy tính (trong một thư mục riêng) hoặc điện thoại, để có thể sử dụng trong các bài vẽ sau này.

### **3. Chuẩn bị bài mới :**

Học sinh tìm kiếm ý tưởng, các họa tiết trang trí cho bài “Trang trí quạt giấy” tiết 3.

-----HẾT-----

### 3. MÔN: TIẾNG ANH 8

#### ➤ TIẾT 4 : UNIT 1 –MY FRIENDS - READ

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### VOCABULARY

1/ lucky (adj) /'lʌk.i/ may mắn – unlucky (adj) /ʌn'lʌk.i/ không may mắn

luckily (adv) /'lʌk.ili/ – unluckily (adv) /ʌn'lʌk.ili/

luck (n) sự may mắn - unluck (n) sự không may mắn

2/ to spend -sent -sent (v) sử dụng, tiêu sài, trải qua, dành thời gian

3 / of all - Of all people/things/places (*idiom*) trong số

4/ Each of us : mỗi người trong chúng ta

5/ sociable (adj) /'səʊ.ʃə.bəl/ hòa đồng – unsociable (adj) /ʌn'səʊ.ʃə.bəl/ không hòa đồng

outgoing (adj) hòa đồng , thân thiện (thích giao lưu)

6/ reserved (adj) /rɪ'zɜ:v.d/ e dè, rụt rè - reserve (n) /rɪ'zɜ:v/ sự e dè (*Do not talk much in public*)

7/ extremely (adv) /ɪk'stri:m.li/ rất, vô cùng - extreme (adj) /ɪk'stri:m/

8/ generous (adj) /'dʒen.ər.əs/ rộng lượng, rộng rãi, hào phóng

- generously (adv)

- generosity (n) /'dʒen.ə'rɒs.ə.ti/ sự rộng rãi, sự hào phóng

9/ kind (adj) tử tế, có lòng tốt – kindly (adv)

8/ to volunteer (v) /'vɒl.ən'tɪər/ tình nguyện, volunteer (n) người tình nguyện

- voluntary (adj) /'vɒl.ən.tər.i/ - voluntarily (adv) /'vɒl.ən'teər.ə.li/

9/ orphanage (n) /'ɔ:.fən.ɪdʒ/ trại mồ côi - orphan (n) trẻ mồ côi

10/ hard-working (adj) = hardworking /'hɑ:d'wɜ:.kɪŋ/: chăm chỉ, siêng năng

11/ unlike /ʌn'lʌɪk/ (prep) khác với, không giống như

12/ to enjoy (v) /ɪn'dʒɔɪ/ thích, ưa thích – enjoyable (adj) /ɪn'dʒɔɪ.ə.bəl/ thú vị, vui vẻ -enjoyment (n) /ɪn'dʒɔɪ.mənt/ sự vui vẻ, sự ưa thích

13/ sense of humor (n) khiếu hài hước

humor (n) tính hài hước – humorous (adj) /'hju:.mə.rəs/ khôi hài, hài hước – humorously (adv)

14/ to annoy (v) /ə'nɔɪ/ làm cho ai đó tức giận, làm phiền, quấy rầy

annoyed (adj) /ə'nɔɪd/ - annoying (adj) /ə'nɔɪ.ɪŋ/ - annoyingly (adv) /ə'nɔɪ.ɪŋli/

annoyance (n) ə'nɔɪ.əns/ sự khó chịu

15/ character (n) /'kerəktər/ tính cách (the same characters)

16/ although (conj) /ɔ:l'dəʊ/ mặc dù

17/ to get tired of (v) nhàm chán

18/ to take up a lot of time : mất nhiều thời gian

19/ to like ≠ to dislike (v)

20/ to laugh at (v) cười

Structure review:

**S + BE (not) + ADJECTIVE + ENOUGH + (FOR SO) + TO-INFINITIVE + .....**

**B. LUYỆN TẬP:**

**Exercises**

**1. Choose the best answer and write.** (Hãy chọn và viết câu trả lời đúng nhất.)

**1. Choose the best answer and write.**

a) Ba talks about \_\_\_\_\_ of his friends.

- A. three
- B. all
- C. four
- D. none

b) Bao's volunteer work \_\_\_\_\_.

- A. helps him make friends
- B. causes problems at exam time
- C. does not affect his school work
- D. takes up a lot of time

c) Khai and Song \_\_\_\_\_.

- A. like quiet places
- B. don't talk much in public
- C. dislike school
- D. enjoy sports

d) Ba's friends sometimes \_\_\_\_\_ his jokes.

- A. answer
- B. do not listen to
- C. laugh at
- D. get tired of

**Answer keys:**

a) **A - three**

b) **C - does not affect his school work.**

c) **B - don't talk much in public.**

d) **D - get tired of**

**2. Now answer the questions. (Bây giờ em hãy trả lời câu hỏi.)**

a) How does Ba feel having a lot of friends?

b) Who is the most sociable?

c) Who likes reading?

d) What is a bad thing about Ba's jokes?

e) Where does Bao spend his free time?

f) Do you and your close friends have the same or different characters?

**Answer keys:**

a) He feels lucky enough to have a lot of friends.

b) Bao is the most sociable.

- c) Khai likes reading.
- d) Sometimes Ba's jokes annoy his friends.
- e) He spends his free time at a local orphanage.
- f) Yes, I and my close friends have the same characters. We like quiet places.

## **TIẾT 5 : UNIT 1 –MY FRIENDS - WRITE**

### **Write about oneself and other people**

#### **A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):**

**Read the information about Tam.** (Hãy đọc thông tin viết về Tâm.)

Name:	Le Van Tam	Age 14
Appearance:	tall, thin, short black hair	
Characters:	sociable, humorous, helpful	
Address:	26 Tran Phu Street, Ha Noi	
Family:	mother, father, elder brother - Hung	
Friends:	Ba. Bao	

#### **VOCABULARY**

21/ helpful (adj) hữu ích , helpfully (adv) , helpfulness (n), to help (v)

unhelpful (adj) = helpless (adj)

22/ appearance (n) vẻ bề ngoài

23/ information (n), inform (v), informative (adj)

#### **B. LUYỆN TẬP:**

##### **Exercises**

*(Hoàn thành mẫu trong tự về bạn của em, dùng những câu hỏi gợi ý sau.)*

**2. Fill in a similar form for your partner. Use the following questions as prompts.**

- a) What is his/her name?
- b) How old is he/she?
- c) What does he/she look like?
- d) What is he/she like?
- e) Where does he/she live?
- f) Who does he/she live with?
- g) Who is/are his/her friend(s)?

**Clue: (gợi ý)**

Name: *Tran Thu Ha* Age: *14*

Description: *pretty, tall, thin, long black hair.*

Character: *Kind, humorous, friendly*

Address: *666 Giai Phong, Ha Noi*

Family: *parents, elder sister and younger brother, Huong and Son*

Friends: *Phuong, Mai*

**3. Now write a paragraph about your partner. (Hãy viết thành đoạn văn về bạn của em.)**

**Clue (Gợi ý):**

Her name's Tran Thu Ha. She's fourteen years old. She lives at 666 Giai Phong Street in Ha Noi with her parents, her elder sister and her younger brother, Huong and Son. She's pretty. She's tall and thin and has long black hair. She is very kind, humorous and friendly. Her best friends are Phuong and Mai.

➤ **TIẾT 6 : UNIT 1 –MY FRIENDS - LANGUAGE FOCUS**

**A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):**

**VOCABULARY**

24/ to join (v) /dʒɔɪn/ tham gia

25/ planet (n) hành tinh

26/ silly (adj) ngờ nghệch, khờ khạo

27/ to introduce (v) , introduction (n) , introductory (adj)

28/ groceries (n) /'grou·sə·riz, / cửa hàng tạp hóa

29/ local (adj) thuộc địa phương , locality (n) /lə'kæl.ə.ti/ địa phương, to locate (v) tọa lạc, ở tại

30/ to rise (v) /raɪz/ mọc, lên cao, phát triển ≠ to set (v) lặn

31/ to lift (v) /lɪft/ nâng lên

## **GRAMMAR:**

### **- Simple tenses**

**Simple present to talk about general truths.**

- Structure: **S + BE (not)+ ADJECTIVE + ENOUGH + (FOR SO) + TO-INFINITIVE + .....**

*Ex: This box isn't light enough for me to lift.*

## **B. LUYỆN TẬP:**

### **Exercises**

**1. Complete the paragraphs. Use the correct form of the verbs in brackets.** (*Hãy hoàn thành các đoạn văn sau, dùng hình thức đúng của động từ trong ngoặc.*)

**a)** Hoa (0) **lived** (live) in Hue last year, but now she (1) \_\_\_\_\_ (live) in Ha Noi. Yesterday, Hoa's friend Nien (2) \_\_\_\_\_ (send) Hoa a letter. Nien (3) \_\_\_\_\_ (be) Hoa's neighbor when Hoa lived in Hue. She (4) \_\_\_\_\_ (be) in younger than Hoa.

**b)** Lan (0) **is** (be) Hoa's best friend. The two girls (1) \_\_\_\_\_ (be) in the same class at Quang Trung school. Last year, Hoa (2) \_\_\_\_\_ (come) to the school for the first time. Lan (3) \_\_\_\_\_ (show) her around and (4) \_\_\_\_\_ (introduce) her to many new friends.

### **Answer keys:**

**a)** (1) **lives** - (2) **sent** - (3) **was** - (4) **is**

**b)** (1) **are** - (2) **came** - (3) **showed** - (4) **introduced**

**2. Complete the dialogue. Use the correct form of the verbs in the box. You will have to use some verbs more than one.**

*(Em hãy hoàn thành hội thoại, dùng hình thức đúng của động từ cho trong khung. Em sẽ phải dùng lại một vài động từ.)*

be   move   set   rise   go

**Ba is helping his young cousin Tuan with some homework.**

*(Ba đang giúp cậu em họ Tuấn làm bài tập về nhà.)*

**Ba:** What do you know about the sun, Tuan?

**Tuan:** The sun (0) \_\_\_\_\_ in the east and (1) \_\_\_\_\_ in the west.

**Ba:** Can you tell me anything about the other planets?

**Tuan:** I know something about the earth. It (2) \_\_\_\_\_ around the sun.

**Ba:** Yes, and the moon (3) \_\_\_\_\_ round the Earth.

**Tuan:** Where is Mars, Ba?

**Ba:** It (4) \_\_\_\_\_ near the sun.

**Tuan:** No, it's silly. That (5) \_\_\_\_\_ Mercury. Mars (6) \_\_\_\_\_ near the Earth.

**Answer keys:**

(1) sets

(2) goes/moves

(3) goes/moves

(4) is

(5) is

(6) is

**3. Look and describe.** *(Quan sát và miêu tả.)*

**Look at the picture. Ask and answer the questions.** *(Hãy nhìn vào tranh. Hỏi và trả lời các câu hỏi.)*



a) How many people are there in the picture?

---

---

b) What does each person look like?

---

---

c) What is each person wearing?

---

---

**Answer keys:**

a) There are four people in the picture.

b) The man standing next to the taxi is tall and heavy-set. The woman is tall and thin. She has short hair.

The boy sitting on the ground looks tired and worried. And the man standing across the street is short and fat.

c) The man standing next to the taxi is wearing a yellow shirt and black trousers. The woman is wearing a green skirt and red blouse. She is carrying a bag on her shoulder.

The man sitting on the ground is wearing blue shorts and a white shirt. And the man across the street is wearing blue trousers and a pink shirt and tie. He's carrying a briefcase.

**4. Complete the dialogues. Use (not) adjective + enough.**

*(Hoàn thành hội thoại. Sử dụng (not) adjective + enough.)*

**a)**

**Hoa:** Can you put the groceries in your bag?

**Lan:** No. It is **not big enough** to carry everything. (big)

**b)**

**Hoa:** Is Ba going to drive his father's car?

**Lan:** Don't be silly! Ba is \_\_\_\_\_ to drive a car. (old)

**c)**

**Hoa:** Do you need any help?

**Lan:** No, thanks. I'm \_\_\_\_\_ to lift this box. (strong)

**d)**

**Hoa:** Why don't you join our English Speaking Club?

**Lan:** I don't think my English is \_\_\_\_\_ to be a member. (good)

**Answer keys:**

**b/ not old enough**

**c/ strong enough**

**d/ good enough**

**----THE END----**

## 4. MÔN: TIN HỌC 8

### Bài 2: LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### 1. Ngôn ngữ lập trình gồm những gì?

Ngôn ngữ lập trình:

- Bảng chữ cái;
- Các quy tắc để viết các câu lệnh.

##### 2. Từ khoá và tên

**Từ khoá** là những từ dành riêng cho những mục đích sử dụng nhất định của ngôn ngữ lập trình.

**VD:** program, uses, begin, end,...

**Tên:** do người lập trình đặt cho các đối tượng, đại lượng trong chương trình.

**Cách đặt tên:**

- Không được đặt tên trùng nhau
- Tên không được trùng với từ khoá
- Tên không được bắt đầu bằng chữ số và không được chứa kí tự trống.
- Tên phải ngắn gọn, dễ nhớ và dễ hiểu.

##### 3. Cấu trúc chung của chương trình

**Cấu trúc chương trình:**

- **Phần khai báo:** Khai báo tên chương trình và một số khai báo khác
- **Phần thân:** gồm các câu lệnh mà máy tính cần thực hiện.

##### 4. Ví dụ về ngôn ngữ lập trình

**Các bước viết và chạy một chương trình Pascal**

- B1: Khởi động Free Pascal;
- B2: Soạn thảo chương trình;
- B3: Biên dịch chương trình: Alt+F9;
- B4: Chạy chương trình: Ctrl+F9;
- B5: Xem kết quả: Alt+F5.

## **B. LUYỆN TẬP:**

**1) Cho biết sự khác nhau giữa từ khóa và tên. Cho biết cách đặt tên trong chương trình?**

- Từ khóa do ngôn ngữ lập trình quy định.
- Tên do người lập trình đặt để phân biệt các đại lượng khác nhau trong chương trình.

### **Cách đặt tên:**

- Không được đặt tên trùng nhau
- Tên không được trùng với từ khóa
- Tên không được bắt đầu bằng chữ số và không được chứa kí tự trống.
- Tên phải ngắn gọn, dễ nhớ và dễ hiểu.

**2) Trong các tên sau đây, tên nào là hợp lệ trong ngôn ngữ Pascal?**

- A) a;                                      B) Tamgiac;                                      C) 8a;                                      D) Tam giac;  
E) beginprogram;                                      F) end;                                      G) b1;                                      H) abc

Tên hợp lệ: A), B), E), G), H)

**----HẾT----**

## 5. MÔN: VẬT LÝ – KHỐI 8

### CHỦ ĐỀ 1: CHUYỂN ĐỘNG CƠ HỌC - TỐC ĐỘ – CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU VÀ CHUYỂN ĐỘNG KHÔNG ĐỀU

#### BÀI 1: CHUYỂN ĐỘNG CƠ HỌC

#### II. BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Bài tập 1:** Tìm ví dụ về chuyển động cơ học, trong đó chỉ rõ vật được chọn làm mốc.

**Hướng dẫn cách trình bày:**

- **Ví dụ:** Một hành khách ngồi trên xe buýt đang chạy trên đường. Ta nói: hành khách đó chuyển động so với mặt đường.

- Vật mốc là mặt đường.

( HS tìm thêm ví dụ )

**Bài tập 2:** Hành khách đang ngồi yên trên xe buýt và xe rời khỏi trạm xe buýt. Hãy cho biết:

- Hành khách chuyển động hay đứng yên so với trạm xe buýt?

- Hành khách chuyển động hay đứng yên so với xe buýt?

**Bài tập 3:** Chỉ ra vật mốc khi nói: Một ô tô đang chạy trên đường.

**Bài tập 4:** Tìm 1 ví dụ về chuyển động thẳng, 1 ví dụ về chuyển động cong.

#### BÀI 2: TỐC ĐỘ

**Bài tập 1:** Một đoàn tàu trong thời gian 1,5h đi được quãng đường dài 81 km. Tính tốc độ của đoàn tàu?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v = s : t$  )

**Bài tập 2:** Một người đi bộ với tốc độ 4 km/h. Tìm khoảng cách từ nhà đến nơi làm việc, biết thời gian cần để người đó đi từ nhà đến nơi làm việc là 30 min.

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v = s : t \Rightarrow$  quãng đường  $s = v \cdot t$  )

Hướng dẫn đổi đơn vị:

$$30\text{phút} = 30 : 60 = 0,5 \text{ h}$$

**Bài tập 3:** Một người đi xe đạp trong 40 phút với tốc độ 12 km/h. Hỏi quãng đường đi được là bao nhiêu km?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v = s : t \Rightarrow$  quãng đường  $s = v.t$  )

Hướng dẫn đổi đơn vị:

$$40\text{phút} = 40 : 60 = 2/3 \text{ h}$$

**Bài tập 4:** Một xe lửa chuyển động với tốc độ 40km/h, con số đó cho biết điều gì? Sau 1h30phút xe lửa đi được quãng đường dài bao nhiêu?

Hướng dẫn: Tốc độ **40km/h** cho biết trong **1 giờ** xe lửa đi được quãng đường dài **40km**.

( nhớ lại  $v = s : t \Rightarrow$  quãng đường  $s = v.t$  )

Hướng dẫn đổi đơn vị:

$$1\text{h}30\text{phút} = 60 \text{ phút} + 30 \text{ phút} = 90 \text{ phút} = 90 : 60 = 1.5\text{h}$$

**Bài tập 5:** Một người đi từ A đến B với tốc độ 35km/h. Biết quãng đường từ A đến B dài 105 km. Hỏi thời gian người đi hết quãng đường đó?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v = s : t \Rightarrow$  thời gian  $t = s : v$  )

**Bài tập 6:** Một máy bay bay với tốc độ 800 km/h từ Hà Nội đến TPHCM. Biết đường bay dài 1400 km, thì máy bay phải bay trong bao lâu?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v = s : t \Rightarrow$  thời gian  $t = s : v$  )

**Bài tập 7:** Hai người đi xe đạp. Người thứ nhất đi quãng đường 300 m hết 1 phút. Người thứ hai đi quãng đường 7,5 km hết 0,5 h.

a. Tính tốc độ của mỗi người?

b. Người nào đi nhanh hơn?

**Hướng dẫn:** ( nhớ lại  $v = s : t$  và  $1\text{m/s} = 3,6 \text{ km/h}$  )

**Tóm tắt**

$$s_1 = 300 \text{ m}$$

$$t_1 = 1 \text{ phút} = 60 \text{ s}$$

$$s_2 = 7,5 \text{ km}$$

$$t_2 = 0,5 \text{ h}$$

$$\text{a. } v_1 = ? \quad v_2 = ?$$

**Giải**

a. Tốc độ của người thứ nhất:

$$v_1 = \frac{s_1}{t_1} = \frac{300}{60} = 5 \text{ (m/s)}$$

Tốc độ của người thứ hai:

$$v_2 = \frac{s_2}{t_2} = \frac{7,5}{0,5} = 15 \text{ (km/h)}$$

b. Đổi  $5\text{m/s} = 5 \cdot 3,6 \text{ km/h} = 18 \text{ km/h}$

- b. Ai nhanh hơn? Vì  $18 \text{ km/h} > 15 \text{ km/h}$  nên người thứ hai nhanh hơn người thứ nhất.

### BÀI 3: CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU – CHUYỂN ĐỘNG KHÔNG ĐỀU

**Bài tập 1:** Một người đi xe đạp xuống một cái dốc dài 120 m hết 30 s. Khi hết dốc, xe lăn tiếp một quãng đường nằm ngang dài 60 m trong 24 s rồi dừng lại.

- a/ Tính tốc độ trung bình của xe trên quãng đường dốc?  
b/ Tính tốc độ trung bình của xe trên quãng đường trên quãng đường ngang?  
c/ Tính tốc độ trung bình của xe trên quãng đường trên cả hai quãng đường?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v_1 = \frac{s_1}{t_1}$ ,  $v_2 = \frac{s_2}{t_2}$ ,  $v_{tb} = \frac{s_1+s_2}{t_1+t_2}$  )

**Bài tập 2:** Một người đi xe máy trên đoạn đường đường thứ nhất dài 18 km trong thời gian 30 phút. Sau đó, người đó tiếp tục đi đoạn đường thứ hai dài 6 km trong thời gian 15 phút.

- a. Tính tốc độ người đó trên quãng đường thứ nhất?  
b. Tính tốc độ người đó trên quãng đường thứ hai?  
c. Tính tốc độ người đó trên cả hai quãng đường?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v_1 = \frac{s_1}{t_1}$ ,  $v_2 = \frac{s_2}{t_2}$ ,  $v_{tb} = \frac{s_1+s_2}{t_1+t_2}$  )

Hướng dẫn đổi đơn vị:

$$30\text{phút} = 30 : 60 = 0,5 \text{ h}$$

$$15\text{phút} = 15 : 60 = 0,25 \text{ h}$$

**Bài tập 3:** Một người thực hiện cuộc đua vượt đèo như sau:

- + Đoạn lên đèo dài 45km hết 2h30phút
  - + Đoạn xuống đèo dài 30km với tốc độ 30km/h
- a. Tính tốc độ của người này trên đoạn lên đèo?  
b. Tính thời gian người này đi hết đoạn xuống đèo?  
c. Tính tốc độ người này trên cả hai đoạn đường?

Hướng dẫn: ( nhớ lại  $v_1 = \frac{s_1}{t_1}$ ,  $t_2 = \frac{s_2}{v_2}$ ,  $v_{tb} = \frac{s_1+s_2}{t_1+t_2}$  )

Hướng dẫn đổi đơn vị:

$$2\text{h}30\text{phút} = 2 \times 60 \text{ phút} + 30 \text{ phút} = 120 \text{ phút} + 30 \text{ phút} = 150 \text{ phút} = 150 : 60 = 2.5\text{h}$$

----**HẾT**----

## 6A. MÔN: TOÁN. ĐẠI SỐ LỚP 8

### Bài 3: NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ

#### 1/ Bình phương của một tổng

Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có :

$$(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$$

Áp dụng :

a/ Tính

$$\begin{aligned}(a + 1)^2 &= a^2 + 2.a.1 + 1^2 \\ &= a^2 + 2a + 1\end{aligned}$$

b / Viết biểu thức  $x^2 + 4x + 4$  dưới dạng bình phương của một tổng

$$x^2 + 4x + 4 = x^2 + 2.x.2 + 2^2 = (x+2)^2$$

#### 2/ Bình phương của một hiệu

Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có :

$$(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$$

Áp dụng :

a/ Tính:

$$\begin{aligned}\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 &= x^2 - 2.x.\frac{1}{2} + \left(\frac{1}{2}\right)^2 \\ &= x^2 - x + \frac{1}{4}\end{aligned}$$

b/ Tính :

$$\begin{aligned}(2x - 3y)^2 &= (2x)^2 - 2.2x.3y + (3y)^2 \\ &= 4x^2 - 12xy + 9y^2\end{aligned}$$

#### 3/ Hiệu hai bình phương

Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có :

$$A^2 - B^2 = (A + B)(A - B)$$

Áp dụng :

a/ Tính

$$\begin{aligned}(x+1)(x-1) \\ &= x^2 - 1^2\end{aligned}$$

$$= x^2 - 1$$

b/ Tính

$$\begin{aligned} & (x - 2y)(x + 2y) \\ &= x^2 - (2y)^2 \\ &= x^2 - 4y^2 \end{aligned}$$

**Bài 16 trang 11:** Viết các biểu thức sau dưới dạng bình phương của 1 tổng hoặc 1 hiệu:

a/  $x^2 + 4x + 4$   
 $= x^2 + 2 \cdot x \cdot 2 + 2^2$   
 $= (x + 2)^2$

b/  $9x^2 + y^2 + 6xy = 9x^2 + 6xy + y^2$   
 $= (3x)^2 + 2 \cdot 3x \cdot y + y^2$   
 $= (3x + y)^2$

c/  $25a^2 + 4b^2 - 20ab = 25a^2 - 20ab + 4b^2$   
 $= (5a)^2 - 2 \cdot 5a \cdot 2b + (2b)^2$   
 $= (5a - 2b)^2$

d/

$$\begin{aligned} x^2 - x + \frac{1}{4} &= x^2 - 2 \cdot x \cdot \frac{1}{2} + \left(\frac{1}{2}\right)^2 \\ &= \left(x - \frac{1}{2}\right)^2 \end{aligned}$$

❖ **Luyện tập ở nhà:**

**Bài 1:** Tính

a/  $(x + 3)^2$

b/  $(2x - y)^2$

c/  $(x + 5)(x - 5)$

**Bài 2 :** Viết các biểu thức sau dưới dạng bình phương của 1 tổng hoặc 1 hiệu:

a/  $x^2 + 6x + 9$

b/  $4 - 4y + y^2$

c/  $9x^2 + 6xy + y^2$

## 6B. MÔN: TOÁN. HÌNH HỌC LỚP 8

### § 3. HÌNH THANG CÂN

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### 1. Định nghĩa :

Hình thang cân là hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau.

ABCD là hình thang cân

$$\Leftrightarrow \begin{cases} AB // CD \\ C = D \text{ hoặc } A = B \end{cases}$$

2a) ABCD, IKMN, PQST là các hình thang cân

b)  $D = 100^\circ$ ,  $N = 70^\circ$ ;  $S = 90^\circ$

c) Hai góc đối của hình thang cân bù nhau.

##### 2. Tính chất :

###### Định lý 1:

*Trong hình thang cân hai cạnh bên bằng nhau*

###### Chứng minh

a) AB cắt BC ở O

( $AB < CD$ ), ABCD là hình thang. Nên  $C = D$ ;  $A_1 = B_1$

+  $C = D$  nên  $\triangle OCD$  cân  $\Rightarrow OD = OC$  (1)

+  $A_1 = B_1$  nên  $A_2 = B_2$ .

Do đó  $\triangle OAB$  cân  $\Rightarrow OA = OB$  (2)

Từ (1) và (2)  $\Rightarrow OD - OA = OC - OB$

Vậy :  $AD = BC$

b)  $AD // BC \Rightarrow AD = BC$

Định lý 2 : *Trong hình thang cân, hai đường chéo bằng nhau*

###### Chứng minh

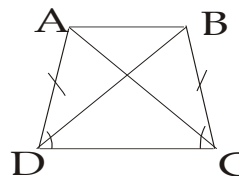
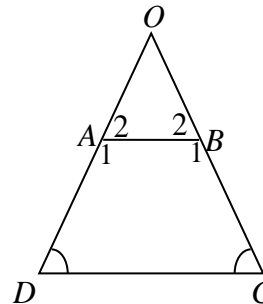
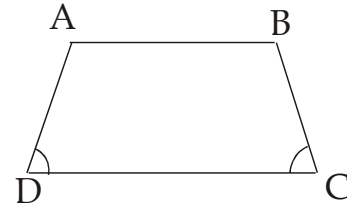
$\triangle ADC$  và  $\triangle BCD$  có

CD là cạnh chung,

$\angle ADC = \angle BCD$ ,  $AD = BC$

Do đó  $\triangle ADC = \triangle BCD$  (c.g.c)

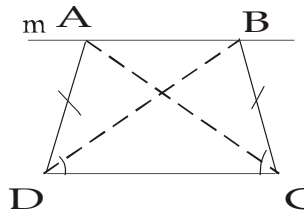
Suy ra  $AC = BD$



### 3. Dấu hiệu nhận biết

#### Định lý 3:

Hình thang có 2 đường chéo bằng nhau là hình thang cân.



#### \* Dấu hiệu nhận biết hình thang cân:

- Hình thang có 2 góc kề 1 đáy bằng nhau là hình thang cân.
- Hình thang có 2 đường chéo bằng nhau là hình thang cân.

### B. LUYỆN TẬP:

#### Bài 12/74 SGK

Xét hai tam giác

vuông ADE và BCF

$AD = BC$  và  $C = D$

(Do ABCD là hình thang cân)

do đó  $\triangle ADE = \triangle BCF$  (g.c.g)

suy ra  $DE = CF$

#### \* Bài tập 16 tr 75 SGK :

Chứng minh

Xét  $\triangle ABD$  và  $\triangle ACE$

có  $B_1 = C_1$  ( $\triangle ABC$  cân)

$AB = AC$  ( $\triangle ABC$  cân)

Â chung

Nên  $\triangle ABD = \triangle ACE$  (g.c.g)

$\Rightarrow AE = AD \Rightarrow \triangle AED$  cân tại A  $\Rightarrow \widehat{AED} = \frac{180^\circ - A}{2}$

Lại có :  $\widehat{ABC} = \frac{180^\circ - A}{2}$  ( $\triangle ABC$  cân tại A)

$\Rightarrow \widehat{AED} = \widehat{ABC}$  (đồng vị) nên  $ED \parallel BC$

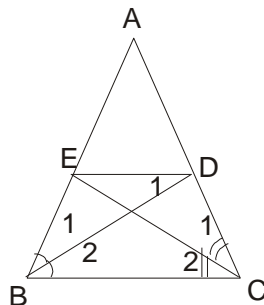
$\Rightarrow BEDC$  là hình thang có  $B = C$

Do đó  $BEDC$  là hình thang cân

Vì  $ED \parallel BC \Rightarrow D_1 = B_2$  (slt) mà  $B_1 = B_2$

nên  $D_1 = B_1 \Rightarrow \triangle EBD$  cân tại E  $\Rightarrow DE = BE$

**BTVN: 11, 12, 15, 18 SGK tr74, 75.**



## 7. MÔN: SINH HỌC 8

### BÀI 3: TẾ BÀO

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### I. CẤU TẠO TẾ BÀO:

gồm:

+ Màng sinh chất: giúp tế bào trao đổi chất.

+ Chất tế bào: thực hiện các hoạt động sống. Trong chất tế bào có lưới nội chất, ribôxôm, ti thể, bộ máy gôngi, trung thể.

+ Nhân: điều khiển các hoạt động sống. Trong nhân có nhiễm sắc thể và nhân con.

##### II. CHỨC NĂNG CỦA CÁC BỘ PHẬN TRONG TẾ BÀO ( bảng 3.1/ 11SGK.)

##### III. HOẠT ĐỘNG SỐNG CỦA TẾ BÀO

Là: trao đổi chất, lớn lên, phân chia và cảm ứng.

#### B. LUYỆN TẬP:

**\*Câu 1:** Chứng minh tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể?

**Câu 2:** Trình bày các hoạt động sống của tế bào?

### BÀI 4: MÔ

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### I. KHÁI NIỆM MÔ:

Là tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu tạo giống nhau, cùng thực hiện 1 chức năng nhất định.

##### II. CÁC LOẠI MÔ

###### 1. Mô biểu bì

- Chức năng: bảo vệ, hấp thụ và tiết.

###### 2. Mô liên kết:

- Chức năng : nâng đỡ, liên kết các cơ quan.

### **3. Mô cơ :**

- Mô cơ vân - Mô cơ trơn - Mô cơ tim

◆ Chức năng : co dẫn → vận động.

### **4. Mô thần kinh:**

- Chức năng: tạo nên hệ thần kinh có chức năng tiếp nhận kích thích, xử lý thông tin và điều khiển sự hoạt động các cơ quan để trả lời các kích thích của môi trường. bào.

#### **A. LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Mô là gì? Có mấy loại mô?

**Câu 2:** Em hãy xác định trên chiếc chân giò lợn có những loại mô nào?

-----HẾT-----

## 8. MÔN: CÔNG NGHỆ 8

### Tiết 3-Bài 3: Bài tập thực hành - HÌNH CHIẾU CỦA VẬT THỂ

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

##### I-Chuẩn bị:

- Dụng cụ: thước, bút chì, tẩy..

- Vật liệu: giấy A4

##### -II-Nội dung :

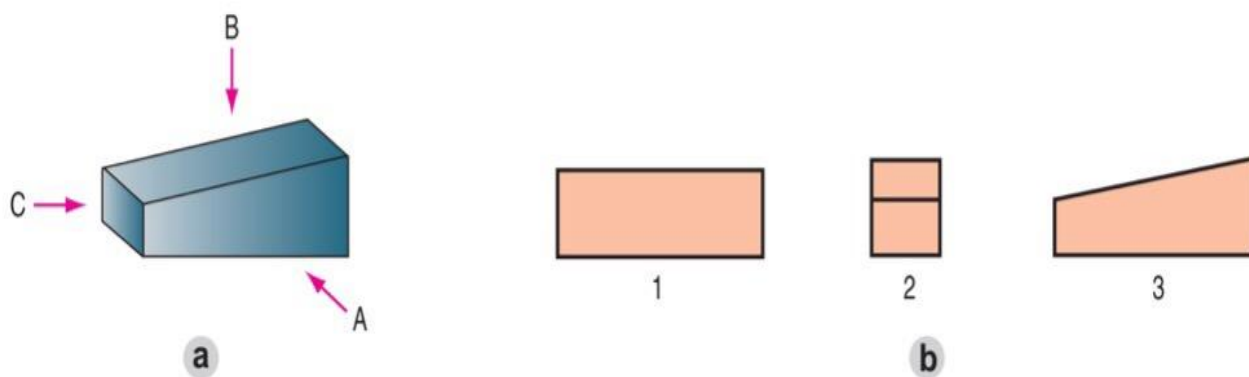
Cho vật thể hình cái nêm với ba hướng chiếu A,B,C và các hình chiếu 1, 2,3 như hình 3.1. Hãy đánh dấu (x) vào bảng 3.1 để chỉ rõ sự tương quan giữa các hình chiếu và các hướng chiếu.

##### III. Các bước tiến hành:

Bước 1: Đọc kĩ nội dung bài thực hành

Bước 2: Quan sát hướng chiếu và xác định đúng hình chiếu so với hướng chiếu

Bước 3: Đánh dấu (x) vào bảng kẻ 3.1 trong SGK trang 14

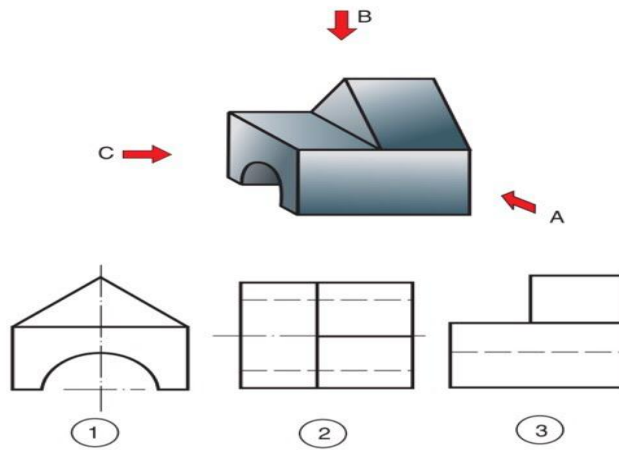


Hướng chiếu	A	B	C
Hình chiếu			
1			

2			
3			

**B. LUYỆN TẬP:**

Cho vật thể với ba hướng chiếu A,B,C và các hình chiếu 1, 2,3 như hình 3.2. Hãy đánh dấu (x) vào bảng sau để chỉ rõ sự tương quan giữa các hình chiếu và các hướng chiếu., cho biết tên gọi của của các hình chiếu.



**Hình 3.2**

Hướng chiếu Hình chiếu	A	B	C	Tên hình chiếu
1				
2				
3				

--	--	--	--	--

## Tiết 4- Bài 4: BẢN VẼ CÁC KHỐI ĐA DIỆN

### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

#### I. Khối đa diện:

Khối đa diện được bao bởi các hình đa giác phẳng

#### II. Hình hộp chữ nhật:

##### 1- Thế nào là hình hộp chữ nhật:

Hình hộp chữ nhật được bao bởi sáu hình chữ nhật

##### 2- Hình chiếu của hình hộp chữ nhật:

Hình	Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
1	Hình chiếu đứng	Hình chữ nhật	$a \times h$
2	Hình chiếu bằng	Hình chữ nhật	$a \times b$
3	Hình chiếu cạnh	Hình chữ nhật	$b \times h$

#### III. Hình lăng trụ đều:

##### 1- Thế nào là hình lăng trụ đều:

Hình lăng trụ đều được bao bởi hai mặt đáy là hai hình đa giác đều bằng nhau và các mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau.

##### 2- Hình chiếu của hình hộp chữ nhật:

Hình	Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
1	Hình chiếu đứng	Hình chữ nhật	$a \times h$
2	Hình chiếu bằng	Hình tam giác đều	$a \times b$
3	Hình chiếu cạnh	Hình chữ nhật	$b \times h$

#### **IV. Hình chóp đều:**

##### **1- Thế nào là hình chóp đều:**

Hình chóp đều được bao bởi mặt đáy là một hình đa giác đều và các mặt bên là các hình tam giác cân bằng nhau có chung đỉnh.

##### **2- Hình chiếu của hình chóp đều:**

Hình	Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
1	Hình chiếu đứng	Hình tam giác cân	$a \times h$
2	Hình chiếu bằng	Hình vuông	$a \times a$
3	Hình chiếu cạnh	Hình tam giác cân	$a \times h$

#### **B. LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Nếu đặt mặt đáy của hình lăng trụ tam giác đều (h4.4) song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu cạnh là hình gì?

.....  
.....

**Câu 2:** Nếu đặt mặt đáy của hình chóp đều đáy hình vuông (h4.6) song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu cạnh là hình gì?

.....  
.....

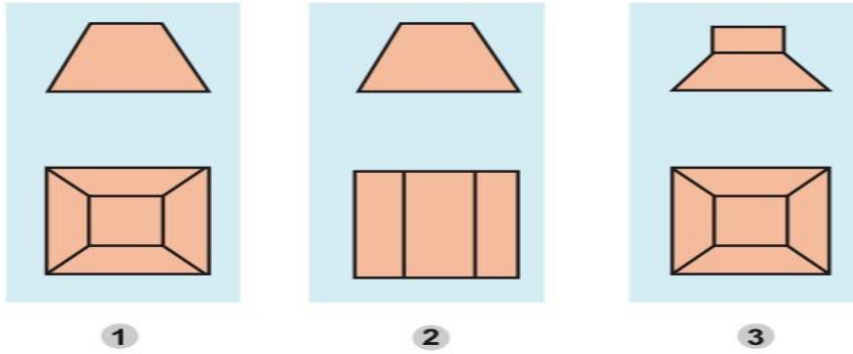
**Câu 3:** Hoàn thành bài tập: bảng 4.4 trong SGK trang 19

.....  
.....

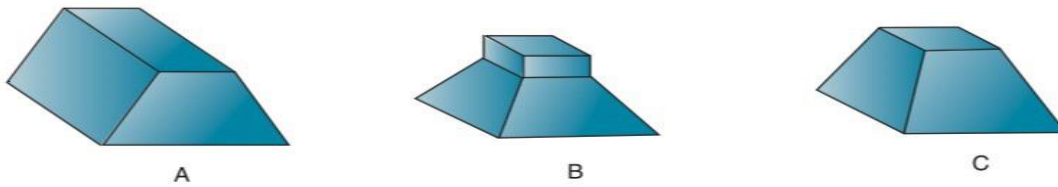
## Bài tập

Cho các bản vẽ hình chiếu 1, 2 và 3 của các vật thể (h.4.8) :

- Hãy xác định hình dạng của các vật thể đó.
- Đánh dấu (x) vào ô thích hợp của bảng 4.4 để chỉ rõ sự tương quan giữa các bản vẽ 1, 2, 3 (h.4.8) với các vật thể A, B, C (h.4.9).



Hình 4.8. Các bản vẽ hình chiếu



Hình 4.9. Các vật thể

**Bảng 4.4**

Vật thể Bản vẽ	A	B	C
1			
2			
3			

## 9. MÔN: LỊCH SỬ 8

### Bài 1: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN (tiếp theo)

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

##### I. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ

###### 1/ Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh

- Từ đầu thế kỉ XVII, Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ
- Kinh tế sớm phát triển theo hướng TB chủ nghĩa nhưng bị Anh cản trở.
- Nhân dân 13 thuộc địa mâu thuẫn với chính quốc Anh

➔ chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa.

###### 2/ Diễn biến cuộc chiến tranh (đọc SGK)

- 1775 chiến tranh bùng nổ
- **4/7/1776** các thuộc địa công bố **Tuyên ngôn độc lập**. (đọc SGK)
- 1882 quân Anh thất bại.

###### 3/ Kết quả và ý nghĩa cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ

\*Kết quả:

- Anh công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ (Hiệp ước Véc-xai **1783**). Nước Mĩ ra đời.
- Hiến pháp (1787) xác lập Mĩ là nước Cộng hòa liên bang. Tuy nhiên quyền dân chủ bị hạn chế. (đọc SGK)

\*Ý nghĩa:

- Các thuộc địa ở Bắc Mĩ được độc lập, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản Mĩ phát triển mạnh, được xem là 1 cuộc cách mạng tư sản.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước.

#### B. LUYỆN TẬP

1. Nêu nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa ở Bắc Mĩ?
2. Theo em, tính chất tiến bộ của **“Tuyên ngôn độc lập”** của Mĩ thể hiện ở những điểm nào?
3. Cho biết kết quả và ý nghĩa cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa ở Bắc Mĩ?

4. Vì sao cuộc chiến tranh này cũng được xem là 1 cuộc CMTS?

## **Bài 2: CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII**

### **A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)**

#### **I. NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG**

##### **1/ Kinh tế**

-Nông nghiệp: thô sơ, lạc hậu, năng suất thấp, đói kém thường xuyên.

-Công – thương nghiệp: đang phát triển nhưng bị CD phong kiến cản trở.

##### **2/ Chính trị, xã hội**

-Là nước quân chủ chuyên chế

-Xã hội phân 3 đẳng cấp:

+ Tầng lữ	}	Có mọi đặc quyền nhưng
+ Quý tộc		không phải đóng thuế

+ Đẳng cấp thứ ba (tư sản, nông dân, bình dân thành thị): không có quyền chính trị và phải đóng thuế.

##### **3/ Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng**

-Mục tiêu: chống chế độ quân chủ chuyên chế về văn hóa, tư tưởng

-Hình thức: trào lưu *triết học Ánh sáng*

#### **II. CÁCH MẠNG BÙNG NỔ**

*1/ Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế (đọc SGK)*

*2/ Mở đầu thắng lợi của CM*

Ngày **14/7/1789** quần chúng tấn công pháo đài nhà tù Bax-ti, sau đó làm chủ Pa-ri.

#### **III. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG**

*Lập bảng niên biểu các sự kiện chính của CMTS Pháp*

Giai đoạn	Thời gian	Sự kiện
<b>Chế độ Quân chủ lập hiến</b>	14/7/1789	Phái Lập hiến (đại TS) nắm quyền, thiết lập <b>chế độ quân chủ lập hiến</b>
	Cuối 8/1789	Thông qua “ <i>Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền</i> ”
	Tháng 4/1792	Áo và Phổ tấn công Pháp
	10/8/1792	Nhân dân lật đổ phái Lập hiến.
<b>Bước đầu của nền cộng hòa</b>	21/9/1792	Phái TS công-thương nghiệp nắm quyền (phái Gi-rông-đanh). Thành lập nền <b>Cộng hòa thứ nhất</b>
	21/1/1793	Xử tử vua Lu-I XVI
	Xuân 1793	Anh liên minh các nước PK châu Âu tấn công Pháp
<b>Chuyên chính dân chủ cách mạng</b>	2/6/1793	Nhân dân lật đổ phái Gi-rông-đanh. Phái TS dân chủ CM (phái Gia-cô-banh) nắm quyền, thi hành nhiều biện pháp tiến bộ, giải quyết yêu cầu của nhân dân.
	Tháng 6/1794	Đánh tan Liên minh phong kiến châu Âu
	27/7/1794	TS phản cách mạng đảo chính, lật đổ chính quyền Gia-cô-banh.

#### **4/ Ý nghĩa lịch sử của CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII**

\*Ý nghĩa:

-Lật đổ hoàn toàn chế độ PK, đưa giai cấp TS lên nắm quyền, mở đường cho chủ nghĩa TB phát triển.

- Nhân dân lao động là lực lượng chủ yếu đưa CM đạt đến đỉnh cao – nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

\*Mặt hạn chế: Chưa đáp ứng đầy đủ quyền lợi cơ bản của nhân dân...

### **B. LUYỆN TẬP**

1.Trình bày tình hình nước Pháp trước cách mạng ?

2. Nêu nguyên nhân dẫn đến CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII ? Sự kiện nào mở đầu cho CMTS Pháp ?

3. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp có ý nghĩa như thế nào?
4. CMTS Pháp phát triển qua những giai đoạn nào? Giai đoạn nào là tiến bộ nhất, vì sao?
5. Cho biết ý nghĩa lịch sử và mặt hạn chế của CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII? Theo em, trong các cuộc CMTS đã học (bài 1, 2) cuộc CMTS nào là triệt để nhất, vì sao?

-----HẾT-----

## 10. MÔN: ĐỊA LÝ 8

### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

#### Chủ đề 1: CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CỦA CHÂU Á.

(Bài 1 + 2 + 3 + 4 ) (tiếp theo)

### II. Khí hậu.

#### 2. Khí hậu Châu Á phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa

##### a) Kiểu khí hậu gió mùa:

- Phân bố: Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á.
- Đặc điểm:
  - + Mùa đông lạnh- khô, mưa ít.
  - + Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều.

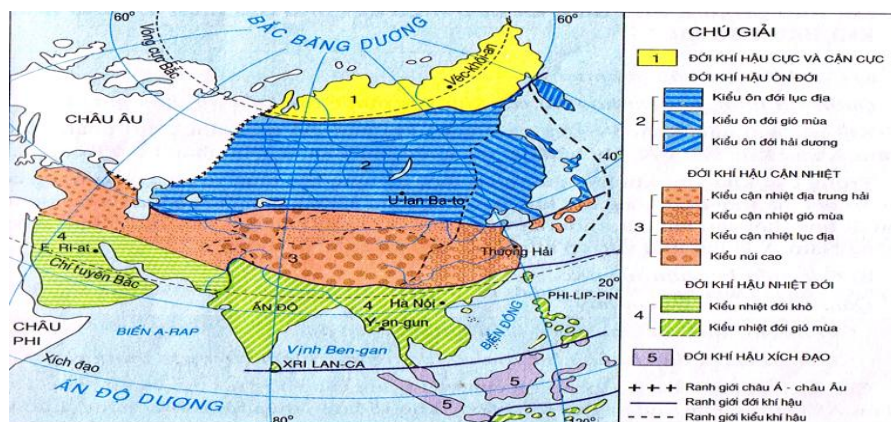
##### b) Kiểu khí hậu lục địa:

- Phân bố: vùng nội địa và Tây Nam Á.
- Đặc điểm:
  - + Mùa đông lạnh khô.
  - + Mùa hè nóng khô.

### B. LUYỆN TẬP:

1) Nêu đặc điểm các kiểu khí hậu phổ biến ở Châu Á.

2) Dựa vào lược đồ hình 2.1 SGK, em hãy đọc tên các đới và các kiểu khí hậu từ vùng cực Bắc đến vùng xích đạo dọc theo kinh tuyến 100°Đ. Giải thích tại sao Châu Á lại chia ra nhiều đới và nhiều kiểu khí hậu như vậy?



Hình 2.1: Lược đồ các đới khí hậu của Châu Á.

## **11. MÔN: ÂM NHẠC KHỐI 8**

### **A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):**

#### **Tiết 2:**

- Ôn tập bài hát: Mùa thu ngày khai trường
- Tập đọc nhạc: TĐN số 1

#### **1. Ôn tập bài hát: Mùa thu ngày khai trường:**

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời bài hát Mùa thu ngày khai trường
- Tập trình bày bài hát có tình cảm

#### **2. Tìm hiểu bài Tập đọc nhạc: TĐN số 1 :**

1. Bài TĐN 1 viết ở nhịp gì?

Nhịp 2/4

2. Nốt nhạc nào cao nhất và nốt nhạc nào thấp nhất trong bài?

Nốt Mí cao nhất và nốt mi thấp nhất

3. Những hình nốt nào có trong bài?

Nốt đen, nốt móc đơn, nốt móc đơn chấm đôi, nốt móc kép

4. Kí hiệu có trong bài?

Dấu luyến, dấu nhắc lại

5. Bài viết ở giọng gì?

Đô trưởng vì không có dấu hóa và kết thúc ở nốt Đô

#### **B. LUYỆN TẬP:**

- Tập đọc tên nốt nhạc bài TĐN số 1, đọc nhạc có giai điệu – tiết tấu
- Thực hành ghép lời cho bài đọc
- Tìm hiểu bài đọc thêm: Bát Âm thời cổ và đàn bát âm

-----HẾT-----

## 12. MÔN: GDCD 8

### A. LÝ THUYẾT

Câu 1: Ý nghĩa tôn trọng lẽ phải ?

- Giúp mọi người có cách ứng xử phù hợp,
- Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội .
- Thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển.

Câu 2: Khái niệm tự lập:

a) *Tự lập* là :

- Tự làm lấy, tự giải quyết lấy công việc, tự tạo dựng cho cuộc sống của mình;
- Không trông chờ, dựa dẫm vào người khác

b) *Biểu hiện:*

- Sự tự tin bản lĩnh cá nhân trước thử thách, khó khăn;
- Có ý chí, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

### B. LUYỆN TẬP:

#### Bài 1/sgk/4:

Đáp án c: Lắng nghe ý kiến của bạn, tự phân tích, đánh giá xem ý kiến nào hợp lý nhất thì theo. ( Việc làm này thể hiện em tôn trọng ý kiến của bạn, em biết dừng lại để phân tích , đánh giá ý kiến của bạn rồi mới đưa ra ý kiến của mình -> Hs nêu tác dụng của việc làm này....)

#### Bài 2/sgk/5:

Đáp án đúng là c. Học sinh phân tích tác dụng của việc làm này: Em không bao che khuyết điểm của bạn , giúp đỡ bạn một cách chân thành, thẳng thắn để bạn điều chỉnh theo hướng tốt hơn.....

#### Bài 3/sgk/5:

Đáp án đúng: a, c, e

**Bài 1/sgk/ 26: (hs nêu 4 việc làm)**

Những việc làm thể hiện tính tự lập trong học tập: tự giác học bài, tự làm bài trong giờ kiểm tra....

Những việc làm thể hiện tính tự lập trong công việc: Tự nấu cơm , tự đi học...

**Bài 4/sgk/27:**

Học sinh tự tìm 1 tấm gương về tự lập ở địa phương mình ở hoặc trong lớp, trường hoặc trên báo đài . (Bổ sung :em hãy cho biết em học tập được gì qua tấm gương tự lập đó.)

-----HẾT-----

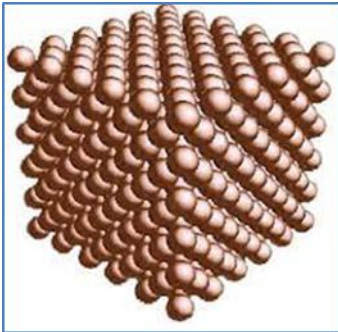
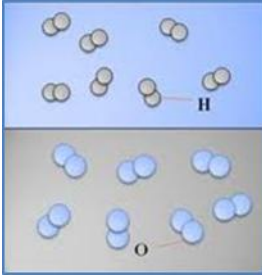
## 13. MÔN: HÓA HỌC 8

### CHỦ ĐỀ 2: ĐƠN CHẤT – HỢP CHẤT – PHÂN TỬ

#### A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

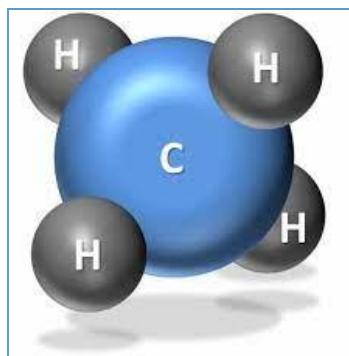
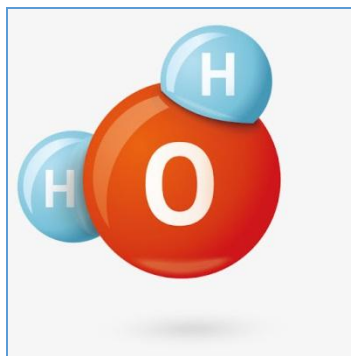
##### I/ Đơn chất là gì?

- Đơn chất là những chất tạo nên từ một nguyên tố hóa học.
- Đơn chất chia thành 2 loại:

Đơn chất kim loại	Đơn chất phi kim
<p>VD: Iron (sắt), Copper (đồng),...</p> <p>- <b><u>Tính chất vật lí:</u></b> Có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt,...</p> 	<p>VD: khí Hydrogen, khí Oxygen,...</p> <p>- <b><u>Tính chất vật lí:</u></b> Không có ánh kim, không dẫn điện (trừ than chì), không dẫn nhiệt,...</p> 
<p>Mô hình tượng trưng một mẫu kim loại đồng</p> <p>- <b><u>Đặc điểm cấu tạo:</u></b> các nguyên tử sắp xếp khít nhau và theo một trật tự xác định.</p>	<p>Mô hình tượng trưng một mẫu khí Hydrogen và khí Oxygen</p> <p>- <b><u>Đặc điểm cấu tạo:</u></b> các nguyên tử thường liên kết với nhau theo một số nhất định và thường là 2.</p>

##### II/ Hợp chất là gì?

- Hợp chất là những chất tạo nên từ hai nguyên tố hóa học trở lên.



Mô hình tượng trưng một phân tử nước và một phân tử khí Methane

- Hợp chất chia thành 2 loại:

Hợp chất vô cơ	Hợp chất hữu cơ
VD: Nước, Sodium chloride (muối ăn), Sulfuric acid,... - <b><u>Đặc điểm cấu tạo:</u></b> Các nguyên tử của các nguyên tố trong hợp chất liên kết với nhau theo một tỉ lệ và một thứ tự nhất định.	VD: khí Methane (khí Metan), đường,... - <b><u>Đặc điểm cấu tạo:</u></b> Các nguyên tử của các nguyên tố trong hợp chất liên kết với nhau theo một tỉ lệ và một thứ tự nhất định.

### III/ Phân tử

- Phân tử là hạt đại diện cho chất gồm một số nguyên tử liên kết với nhau và thể hiện đầy đủ tính chất hóa học của chất.

- ***Phân tử khối:***

+ Phân tử khối là khối lượng của một phân tử tính bằng đơn vị Carbon (đvC).

+ Phân tử khối một chất bằng tổng các nguyên tử khối của các nguyên tử trong phân tử chất đó.

VD: Phân tử khối khí Oxygen:  $2 \cdot 16 = 32$  đvC (Vì phân tử Oxygen gồm 2 nguyên tử Oxygen, mà O = 16 đvC)

*\*Khuyến khích tự đọc: Mục IV: Trạng thái của chất.*

## B. LUYỆN TẬP:

### Dạng 1: Phân loại đơn chất, hợp chất.

Hoàn thành bảng bằng cách đánh dấu x vào ô thích hợp sau theo mẫu

Chất	Đơn chất	Hợp chất
a. Khí Oxygen tạo nên từ nguyên tố Oxygen	x	
b. Đường tạo nên từ 3 nguyên tố Carbon, Hydrogen và Oxygen		x
c. Khí Nitrogen tạo nên từ nguyên tố Nitrogen		
d. Đá vôi tạo nên từ 3 nguyên tố Calcium, Carbon và Oxygen		
e. Ammonia tạo nên từ 2 nguyên tố Nitrogen và Hydrogen		
f. Bromine do 2 nguyên tử Bromine liên kết với nhau		
g. Sulfuric acid gồm 2 nguyên tử Hydrogen, 1 nguyên tử Sulfur và 4 nguyên tử Oxygen liên kết với nhau		
h. Barium carbonate gồm 1 nguyên tử Barium, 1 nguyên tử Carbon và 3 nguyên tử Oxygen liên kết với nhau.		

### Dạng 2: Tính phân tử khối của các chất sau:

- a) Khí Nitrogen (phân tử gồm 2 N):.....
- b) Ammonia (phân tử gồm 1N, và 3H):.....
- c) Sulfuric acid (phân tử gồm 2 H, 1S, và 4 O):.....
- d) Aluminium sulfate (phân tử gồm 2Al, 3S, và 12 O):.....

### Mẫu

- a) Khí Oxygen (phân tử gồm 2 O) :  $2 \text{ O} = 2 \times 16 = 32 \text{ đvC}$
- b) Copper (II) sulfate (phân tử gồm 1 Cu, 1 S, và 4 O):  
 $1 \text{ Cu} + 1 \text{ S} + 4 \text{ O} = 64 + 32 + 4 \times 16 = 160 \text{ đvC}$

### Dạng 3: So sánh sự nặng nhẹ giữa các phân tử:

1. Khí Hydrogen (2 H) và Khí Methane (1C và 4 H)
2. Muối ăn (1 Na và 1 Cl) và Sodium carbonate (2 Na, 1 C, và 3 O)

**Mẫu**

1. Hãy so sánh phân tử khí Oxygen (phân tử gồm 2 O) nặng hay nhẹ , bằng bao nhiêu lần so với phân tử khí Carbon dioxide (phân tử gồm 1 C và 2 O)

Ta có:

$$\frac{2 \text{ O}}{1 \text{ C} + 2 \text{ O}} = \frac{2 \times 16}{1 \times 12 + 2 \times 16} = \frac{32}{44} = \frac{8}{11} = \frac{8}{11} \text{ lần} < 1$$

Vậy phân tử khí Oxygen nhẹ hơn, bằng  $\frac{8}{11}$  lần phân tử khí Carbon dioxide.

2. Hãy so sánh phân tử khí Oxygen (phân tử gồm 2 O) nặng hay nhẹ , bằng bao nhiêu lần so với phân tử khí Hydrogen (phân tử gồm 2 H)

Ta có:

$$\frac{2 \text{ O}}{2 \text{ H}} = \frac{2 \times 16}{2 \times 1} = \frac{32}{2} = 16 \text{ lần} > 1$$

Vậy phân tử khí Oxygen nặng hơn, bằng 16 lần phân tử Hydrogen.

-----HẾT-----

# 14. MÔN: THỂ DỤC 8

## A. BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG

### Tư thế chuẩn bị



Như tư thế nghiêm



### Nhịp 1



Tay trái dang ngang, tay phải đưa về trước, hai bàn tay sấp, mắt nhìn theo bàn tay trái



### Nhịp 2



Đưa tay phải sang ngang; đồng thời xoay hai cổ tay thành bàn tay ngửa, vươn ngực, mắt nhìn trước



### Nhịp 3



Đưa hai tay ra trước, bàn tay sấp



## Nhịp 4



Kiểm gót, khuyu gôi  
(gôi khép), hai tay  
chống hông, thân  
trên thẳng, mắt nhìn  
trước



## Nhịp 5



Đứng thẳng, đồng thời  
đưa chân trái sang trái-  
lên cao, chân và mũi  
bàn chân duỗi thẳng  
ngang gối; chân phải  
thẳng, cả bàn chân  
chạm đất, mắt nhìn  
mũi bàn chân trái



## Nhịp 6



Về tư thế nhịp 4



## Nhịp 7



Như nhịp 5 nhưng  
đổi chân



## Nhịp 8



Thu chân về tư thế đứng thẳng, hai tay chống hông, mắt nhìn trước



## Nhịp 9



Bước chân trái sang bên rộng hơn vai, hai bàn tay đưa ra trước-sang ngang, bàn tay ngửa, mắt nhìn bàn tay



## Nhịp 10



Đòn trọng tâm về chân phải, chân trái duỗi thẳng, mũi chân chạm đất, nghiêng lườn sang trái, tay trái chống hông, tay phải duỗi thẳng hơi áp nhẹ vào tay



## Nhịp 11



Về như nhịp 9, mắt nhìn trước



### B. Luyện tập

- Chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, chạy gót chạm mông

Yêu cầu đối với nam: thực hiện ba tổ/mỗi tổ 3 phút, thời gian nghỉ giữ quãng là 5 phút

Yêu cầu đối với nữ: thực hiện ba tổ/mỗi tổ 2 phút, thời gian nghỉ giữa quãng là 5 phút

-----HẾT-----